UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1472 /SYT-VP Về việc tuyên truyền, khuyến khích nộp hồ sơ trực tuyến đối với các Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	*Quảng Trị, ngày 16 tháng 9 năm 2025*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Hiện nay, Sở Y tế đã xây dựng và công khai cung cấp 72 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của các thủ tục hành chính (40 DVCTT toàn trình và 32 DVCTT một phần), trong đó có 30 thủ tục hành chính có thực hiện thanh toán trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tại Cổng dịch vụ công Quốc gia *(có Phụ lục chi tiết kèm theo công văn).*

Nhằm nâng cao tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, góp phần thực hiện chỉ tiêu cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến năm 2025. Sở Y tế thông báo và đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm tìm hiểu, tuyên truyền và khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn *(xem hướng dẫn nộp hồ sơ tại Công văn hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ đính kèm theo công văn này)).*

Trong quá trình đăng ký và sử dụng dịch vụ công trực tuyến nếu có khó khăn, vướng mắc vui lòng liên hệ địa chỉ sau để được hướng dẫn, hỗ trợ: Bộ phận Một cửa của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; địa chỉ: Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; Điện thoại: 0232.3812.812; Cơ sở 2: Số 45 Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Điện thoại: 0233.3636.992.

Sở Y tế trân trọng thông báo đến các tổ chức, cá nhân được biết và quan tâm sử dụng dịch vụ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Cán bộ một cửa của Sở tại TTPVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, VPS.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Xuân Dũng

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Công văn số /SYT-VP ngày / /2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	Mã số TTHC	Địa chỉ truy cập	DVCTT thực hiện thanh toán trực tuyến	Mức độ DVCTT
I	**Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Cấp tỉnh)**				
1.	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	1.013845.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT Một phần
II	**Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (Cấp tỉnh)**				
2.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	1.013824.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
3.	Thủ tục công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh	1.004539.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
III	**Lĩnh vực Dược phẩm, mỹ phẩm (Cấp tỉnh)**				
4.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.014092.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
5.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do	1.014099.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần

	lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược				
6.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	1.014100.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
7.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.014101.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
8.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.014087.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
9.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003055.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
10.	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	1.002600.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
11.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
12.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003064.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
13.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	1.014069.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
14.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	1014105.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
15.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	1.014090.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần

16.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	1.014102.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
17.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000990.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
18.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.000793.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
19.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.000662.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
20.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
21.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1.009566.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
22.	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.014104.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
23.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.014076.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
24.	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	1.014078.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
25.	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	1.002238. H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT Toàn trình

26.	Cung cấp thuốc phóng xạ	1.001396.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT Toàn trình
27.	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	1.014203.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
IV	**Lĩnh vực Phòng bệnh (Cấp tỉnh)**				
28.	Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT Toàn trình
29.	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655.H50		Không	DVCTT Toàn trình
30.	Thủ tục xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1.001386.H50		Không	DVCTT Toàn trình
31.	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	1.013869.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
32.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	1.013.873.H50		Không	DVCTT Toàn trình
33.	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	1.013879.H50		Không	DVCTT Toàn trình
34.	Thủ tục Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	1.013878.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
35.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	1.013884.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
36.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	1.013893.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần

37.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	1.013865.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
38.	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	1.013034.000.00.00.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT Toàn trình
39.	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	1.013035.H50		Không	DVCTT Toàn trình
V	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm (Cấp tỉnh)**				
40.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	1.013838.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
41.	Sửa đổi,bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)	1.013847.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
42.	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	1.013851.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT Toàn trình
43.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế	1.013855.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
44.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.013858.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
45.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.013862.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT Toàn trình

46.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013857.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
47.	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013854.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
48.	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013850.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
49.	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	1.013844.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
50.	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	1.013841.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT một phần
51.	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	1.013829.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Có	DVCTT một phần
VI	**Lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS (Cấp tỉnh)**				
52.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.013864.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
53.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.013860.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình

VII	**Lĩnh vực Quản lý môi trường y tế (Cấp tỉnh)**				
54.	Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.013890. H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
VIII	**Lĩnh vực trang thiết bị y tế (cấp tỉnh)**				
55.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	3.000448.H50	*https://imda.moh.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
56.	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	3.000447.H50	*https://imda.moh.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
57.	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	3.000449.H50	*https://imda.moh.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
58.	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	1.003006.H50	*https://imda.moh.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
59.	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	1.003039.H50	*https://imda.moh.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
60.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng Sở Y tế đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B:	1.003029.H50	*https://imda.moh.gov.vn*	Có	DVCTT toàn trình
IX	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**				
IX.1	**TTHC cấp tỉnh**				
61.	Thủ tục công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1.001806.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
62.	Thủ tục dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2.000477.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
63.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000282.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình

IX.2	**TTHC cấp xã**				
64.	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1.013821.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
65.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1.013822.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
66.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
67.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
68.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
69.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014027.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
70.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014028.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
71.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình
72.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.H50	*https://dichvucong.gov.vn*	Không	DVCTT toàn trình